



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

A member of  International

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12-36

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở của Công ty tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên
Ông Lê Phan Đức	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/03/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Anh Chung	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 16/06/2014
Ông Phạm Hoàng Tú	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16/06/2014
Bà Nguyễn Thị Xuân Hòa	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Mai Phương	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 16/06/2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

1-1
1-1

50026
CÔNG
CỔ PH
ÔNG T
VIỆT-
VG P
XUYỀN-

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 02 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 02 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Lê Đức Minh

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		687.158.537.599	479.673.018.910
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.159.256.124	10.910.497.646
111	1. Tiền		7.159.256.124	10.910.497.646
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	25.500.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	81.600.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(56.100.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		393.962.688.986	307.795.503.620
131	1. Phải thu của khách hàng		397.419.429.417	295.346.105.066
132	2. Trả trước cho người bán		7.385.681.880	15.213.998.687
135	5. Các khoản phải thu khác	4	2.606.156.700	2.694.770.513
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.448.579.011)	(5.459.370.646)
140	IV. Hàng tồn kho	5	252.689.854.936	148.041.775.990
141	1. Hàng tồn kho		252.689.854.936	148.041.775.990
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		33.346.737.553	12.899.741.654
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	7.431.399.471	163.614.151
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.020.568.760	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	3.000.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	18.894.769.322	12.733.127.503
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		493.558.135.385	475.176.372.036
220	II. Tài sản cố định		172.556.230.221	152.313.152.597
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	130.081.365.167	109.487.978.706
222	- Nguyên giá		237.839.210.467	204.858.481.641
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(107.757.845.300)	(95.370.502.935)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	15.673.342.937	16.023.751.774
228	- Nguyên giá		18.288.889.829	18.288.889.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.615.546.892)	(2.265.138.055)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	26.801.522.117	26.801.422.117
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	310.755.041.365	310.755.041.365
251	1. Đầu tư vào công ty con		74.650.000.000	74.650.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		77.515.000.000	77.515.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		160.000.000.000	160.000.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.409.958.635)	(1.409.958.635)
260	V. Tài sản dài hạn khác		10.246.863.799	12.108.178.074
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	10.246.863.799	12.108.178.074
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.180.716.672.984	954.849.390.946

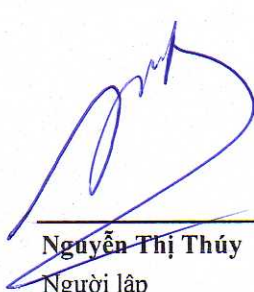
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

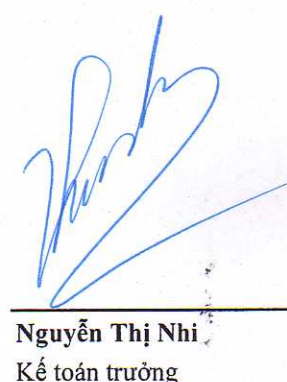
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		700.781.475.415	478.607.920.752
310	I. Nợ ngắn hạn		680.189.773.897	457.529.555.507
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	491.193.074.532	399.506.623.000
312	2. Phải trả người bán		172.864.145.144	46.044.257.654
313	3. Người mua trả tiền trước		5.327.259.914	3.251.954.875
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.204.782.285	2.418.499.399
315	5. Phải trả người lao động		3.698.569.332	2.231.978.614
316	6. Chi phí phải trả	15	1.033.338.767	907.366.720
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	544.345.165	533.673.772
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.324.258.758	2.635.201.473
330	II. Nợ dài hạn		20.591.701.518	21.078.365.245
333	3. Phải trả dài hạn khác	17	20.271.387.700	21.048.910.700
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		320.313.818	29.454.545
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		479.935.197.569	476.241.470.194
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	479.935.197.569	476.241.470.194
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		67.810.722.053	67.810.722.053
414	4. Cổ phiếu quỹ		(15.990.198.846)	(15.990.198.846)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		11.879.120.219	11.881.908.972
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		6.497.028.119	5.815.954.486
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.741.426.024	30.725.983.529
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.180.716.672.984	954.849.390.946

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		221.010,86	134.856,38



Nguyễn Thị Thúy
Người lập



Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc


Vĩnh Phúc, ngày 02 tháng 03 năm 2015


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	2.028.019.970.815	1.656.267.924.204
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	7.488.480.822	7.128.760.693
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	2.020.531.489.993	1.649.139.163.511
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.930.570.873.412	1.560.856.920.145
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.960.616.581	88.282.243.366
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	22.665.503.305	26.761.598.260
22	7. Chi phí tài chính	24	32.897.602.272	46.777.091.485
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		32.589.624.426	44.257.512.944
24	8. Chi phí bán hàng	25	36.385.242.994	32.581.339.348
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.211.831.140	19.218.665.064
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.131.443.480	16.466.745.729
31	11. Thu nhập khác		326.929.924	915.961.895
32	12. Chi phí khác		345.303.617	2.111.909.077
40	13. Lợi nhuận khác		(18.373.693)	(1.195.947.182)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.113.069.787	15.270.798.547
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	3.491.597.127	1.593.550.831
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.621.472.660	13.677.247.716


 Nguyễn Thị Thúy
 Người lập


 Nguyễn Thị Nhi
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Hữu Thế
 Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 02 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.113.069.787	15.270.798.547
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		12.737.751.202	15.190.902.977
03	- Các khoản dự phòng		7.933.108.365	6.925.429.281
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(20.363.023.324)	(23.427.230.570)
06	- Chi phí lãi vay		32.589.624.426	44.257.512.944
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		50.010.530.456	58.217.413.179
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(107.151.826.533)	34.341.946.499
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(104.648.078.946)	24.418.563.632
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		128.047.192.248	(97.103.623.255)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.406.471.045)	(2.952.205.377)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(32.549.781.643)	(47.111.754.128)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.948.424.781)	(1.136.794.176)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.392.177.000	15.398.198.355
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.207.850.407)	(15.368.831.165)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(77.462.533.651)	(31.297.086.436)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(30.967.257.426)	(6.095.788.315)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		70.000.000	915.727.273
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.115.609.183	23.826.817.776
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.781.648.243)	18.646.756.734
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.820.715.598.845	1.543.660.602.392
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.729.029.147.313)	(1.533.904.547.198)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.193.511.160)	(3.953.630.747)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		84.492.940.372	5.802.424.447
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.751.241.522)	(6.847.905.255)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		10.910.497.646	17.758.402.901
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	7.159.256.124	10.910.497.646


Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 02 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở của Công ty tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.997.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 04 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch là VGS.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang; chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m² đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời hạn sử dụng không xác định.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán năm.

2.15 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Theo Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/05/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE được kế thừa toàn bộ ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép của Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu (kể từ năm 2004) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo;
- Được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu.

Cũng theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 168/CT-QĐ ngày 21/05/2003 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty được miễn tiền thuê đất đến 04/12/2020.

2.18 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	572.272.890	890.046.073
Tiền gửi ngân hàng	6.586.983.234	10.020.451.573
	<u>7.159.256.124</u>	<u>10.910.497.646</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	31.030.790	33.240.524
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	2.071.333.333	1.887.555.556
Phải thu khác	503.792.577	773.974.433
	<u>2.606.156.700</u>	<u>2.694.770.513</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	37.546.797.085	-
Nguyên liệu, vật liệu	77.298.444.986	53.327.975.257
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.518.006.761	4.837.499.584
Thành phẩm	125.385.808.296	83.161.250.264
Hàng hoá	5.940.797.808	6.715.050.885
	<u>252.689.854.936</u>	<u>148.041.775.990</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	163.614.151	70.989.095
Tăng trong năm	11.129.105.557	502.446.051
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(3.861.320.237)	(409.820.995)
Tại ngày 31/12	7.431.399.471	163.614.151
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.667.292.848	-
Chi phí thuê văn phòng đại diện	1.440.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.324.106.623	163.614.151
	7.431.399.471	163.614.151

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	14.287.536.591	9.963.668.811
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	4.607.232.731	2.769.458.692
	18.894.769.322	12.733.127.503

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Tại ngày 01/01/2014	96.429.669.764	95.582.460.899	11.305.795.355	1.540.555.623	204.858.481.641					
Mua sắm	-	13.643.209.715	2.577.392.727	145.440.909	16.366.043.351					
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	268.592.649	16.346.092.826	-	-	16.614.685.475					
Tại ngày 31/12/2014	96.698.262.413	125.571.763.440	13.883.188.082	1.685.996.532	237.839.210.467					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Tại ngày 01/01/2014	23.160.353.679	65.808.402.143	5.709.259.408	692.487.705	95.370.502.935					
Trích khấu hao	4.057.090.462	6.689.156.103	1.375.485.243	265.610.557	12.387.342.365					
Tại ngày 31/12/2014	27.217.444.141	72.497.558.246	7.084.744.651	958.098.262	107.757.845.300					
Giá trị còn lại										
Tại ngày 01/01/2014	73.269.316.085	29.774.058.756	5.596.535.947	848.067.918	109.487.978.706					
Tại ngày 31/12/2014	69.480.818.272	53.074.205.194	6.798.443.431	727.898.270	130.081.365.167					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.923.052.610 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
Tại ngày 31/12/2014	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	2.197.334.305	67.803.750	2.265.138.055
Trích khấu hao	348.387.587	2.021.250	350.408.837
Tại ngày 31/12/2014	2.545.721.892	69.825.000	2.615.546.892
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	16.021.730.524	2.021.250	16.023.751.774
Tại ngày 31/12/2014	15.673.342.937	-	15.673.342.937

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01/01	26.801.422.117	25.938.583.878
Tăng trong năm	16.346.192.826	862.838.239
Kết chuyển tăng tài sản cố định	(16.346.092.826)	-
Tại ngày 31/12	26.801.522.117	26.801.422.117
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	26.801.522.117	26.801.422.117
Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh ⁽²⁾	18.226.976.663	18.226.876.663
	26.801.522.117	26.801.422.117

(1) Chi phí chuyển nhượng hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh. Hiện tại dự án vẫn đang trong quá trình chờ cấp giấy phép đầu tư.

(2) Hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE và quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Các chi phí đã phát sinh chủ yếu là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng. Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 17.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	74.650.000.000	74.650.000.000
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	59.950.000.000	59.950.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	14.700.000.000	14.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	77.515.000.000	77.515.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	66.640.000.000	66.640.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	10.875.000.000	10.875.000.000
Đầu tư dài hạn khác	160.000.000.000	160.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.409.958.635)	(1.409.958.635)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	(170.167.843)	(170.167.843)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	(1.239.790.792)	(1.239.790.792)
	<u>310.755.041.365</u>	<u>310.755.041.365</u>

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,92%	99,92%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	96,08%	96,08%	Sản xuất bu lông, ốc vít xuất khẩu

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	39,64%	39,64%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	160.000.000.000	160.000.000.000
	<u>160.000.000.000</u>	<u>160.000.000.000</u>

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, phụ lục hợp đồng cho vay ngày 20/10/2011, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay số tiền là 160 tỷ đồng để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 5 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	12.108.178.074	9.248.597.753
Tăng trong năm	2.129.114.928	7.104.911.076
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(3.990.429.203)	(4.245.330.755)
Tại ngày 31/12	10.246.863.799	12.108.178.074
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.588.011.547	6.764.476.142
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	314.600.403	499.919.590
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.013.710.332	1.665.855.651
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.330.541.517	3.177.926.691
	10.246.863.799	12.108.178.074

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	491.193.074.532	399.506.623.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên ⁽¹⁾	282.130.467.344	193.338.518.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên ⁽²⁾	79.822.436.870	69.300.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vĩnh Phúc ⁽³⁾	38.406.913.525	53.358.935.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Vĩnh Phúc	-	27.689.170.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Phòng GD Đào Duy Anh	-	55.820.000.000
Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Vĩnh Phúc ⁽⁴⁾	50.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - CN Vĩnh Phúc ⁽⁵⁾	40.833.256.793	-
	491.193.074.532	399.506.623.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/HĐHM ngày 06/05/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: vay ngắn hạn 300 tỷ đồng, mở L/C 70 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/04/2015; thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất tại ngày 31/12/2014 là 8,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố bằng tài sản của công ty; số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; các khoản thu theo hợp đồng kinh tế ký kết với các đối tác mà công ty là người thụ hưởng.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

- (2) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 14.51.0068/2014-HĐTDHM/NHCT262-ỚNG THÉP VIỆT ĐỨC ngày 15 tháng 08 năm 2014, với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
 - + Thời hạn của hợp đồng từ ngày 15/08/2014 đến ngày 31/07/2015, thời hạn vay tối đa là 4 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng lần giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất tại ngày 31/12/2014 là 6,8% - 7%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng hàng hóa quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa kèm theo mà 2 bên đã ký kết.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 0181420//HĐTD2/VIB ngày 09/07/2014, với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh ống thép và các sản phẩm từ thép;
 - + Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 09/07/2015, thời hạn vay của mỗi kế ước nhận nợ tối đa không quá 5 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất tại ngày 31/12/2014 là 7,4%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng hàng tồn kho luân chuyển (gồm ống thép các loại, tôn nguyên cuộn, phôi thép, thép xây dựng, thép hình) và các khoản phải thu từ đại lý cấp 1 của bên vay.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 390.015/2014/HĐTD - LPBVP ngày 23/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
 - + Thời hạn vay: Thời hạn của hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa là 5 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng lần giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất tại ngày 31/12/2014 là 7,5%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 17092014/HĐTDHM/TVD - VPB ngày 29/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: Thời hạn của hợp đồng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn vay tối đa là 5 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng lần giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất tại ngày 31/12/2014 là 7,5%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng cho vay dài hạn giữa Công ty và Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	913.087.989
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.158.931.170	1.505.169.595
Thuế Thu nhập cá nhân	45.851.115	241.815
	1.204.782.285	2.418.499.399

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	116.339.046	76.496.263
Chi phí phải trả khác	916.999.721	830.870.457
	1.033.338.767	907.366.720

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	348.749.617	122.922.381
Bảo hiểm y tế	869.175	1.047.375
Bảo hiểm thất nghiệp	1.203.600	493.800
Phải trả cổ tức cho cổ đông	170.169.073	163.018.233
Phải trả, phải nộp khác	23.353.700	246.191.983
	544.345.165	533.673.772

17 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	18.468.000.000	18.468.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1.803.387.700	2.580.910.700
	20.271.387.700	21.048.910.700

Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh là khoản tiền đã nhận của đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/04/2011 về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	9.805.846.278	4.777.923.139	26.199.256.648	468.600.649.272
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	13.677.247.716	13.677.247.716
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.076.062.694	1.038.031.347	(9.150.520.835)	(6.036.426.794)
Tại ngày 31/12/2013	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	11.881.908.972	5.815.954.486	30.725.983.529	476.241.470.194
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	13.621.472.660	13.621.472.660
Phân phối lợi nhuận năm 2013 ⁽¹⁾	-	-	-	(683.862.386)	-	(7.200.662.000)	(7.884.524.386)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2014 ⁽²⁾	-	-	-	681.073.633	681.073.633	(3.405.368.165)	(2.043.220.899)
Tại ngày 31/12/2014	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	11.879.120.219	6.497.028.119	33.741.426.024	479.935.197.569

(1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 05 tháng 04 năm 2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013	100,00%	13.677.247.716
Trích Quỹ đầu tư phát triển (năm 2013 đã tạm trích lập với tỷ lệ 10%)	5,00%	683.862.386
Trích Quỹ dự phòng tài chính (năm 2013 đã tạm trích lập với tỷ lệ 5%)	5,00%	683.862.386
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (năm 2013 đã tạm trích lập với tỷ lệ 10%)	15,00%	2.051.587.158
Chi trả cổ tức (bằng 2% vốn điều lệ)	52,65%	7.200.662.000
Lợi nhuận chưa phân phối	22,35%	3.057.273.786

(2) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 05 tháng 04 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2014, do đó căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2014, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014	100,00%	13.621.472.660
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	681.073.633
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	681.073.633
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,00%	2.043.220.899
Lợi nhuận chưa phân phối	75,00%	10.216.104.495



CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THẾP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Ông Lê Minh Hải	6,03%	22.660.000.000	6,03%	22.660.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	6,28%	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000
Vốn góp của cổ đông khác	87,69%	329.712.110.000	87,69%	329.712.110.000
	100%	375.997.100.000	100%	375.997.100.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.200.662.000	3.960.364.100
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	7.200.662.000	3.960.364.100

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.596.400	1.596.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.596.400	1.596.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.003.310	36.003.310
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.003.310	36.003.310
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.879.120.219	11.881.908.972
Quỹ dự phòng tài chính	6.497.028.119	5.815.954.486
	18.376.148.338	17.697.863.458

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán thành phẩm	890.478.285.048	776.385.887.276
Doanh thu bán hàng hóa	1.116.234.015.218	871.108.946.812
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.307.670.549	8.773.090.116
	2.028.019.970.815	1.656.267.924.204

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	7.285.874.851	6.881.632.889
Giảm giá hàng bán	93.771.988	78.579.636
Hàng bán bị trả lại	108.833.983	168.548.168
	<u>7.488.480.822</u>	<u>7.128.760.693</u>

21 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	882.989.804.226	769.335.706.219
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	1.116.234.015.218	871.030.367.176
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	21.307.670.549	8.773.090.116
	<u>2.020.531.489.993</u>	<u>1.649.139.163.511</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	804.734.950.534	689.084.942.618
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.106.196.209.025	866.718.842.612
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.639.713.853	5.053.134.915
	<u>1.930.570.873.412</u>	<u>1.560.856.920.145</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	20.299.386.960	23.339.400.415
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	1.745.908.139
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	308.306.250
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.339.766.345	1.367.983.456
Doanh thu hoạt động tài chính khác	26.350.000	-
	<u>22.665.503.305</u>	<u>26.761.598.260</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	32.589.624.426	44.257.512.944
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	307.977.846	1.053.519.906
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	1.466.058.635
	<u>32.897.602.272</u>	<u>46.777.091.485</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	603.665.319	553.174.757
Chi phí nhân công	4.773.862.454	4.332.833.692
Chi phí khấu hao tài sản cố định	881.626.907	879.267.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.239.148.534	25.342.842.579
Chi phí khác bằng tiền	1.886.939.780	1.473.221.097
	<u>36.385.242.994</u>	<u>32.581.339.348</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.909.112.364	920.822.134
Chi phí nhân công	9.067.210.309	7.022.601.062
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.194.134.567	2.065.118.705
Thuế, phí, lệ phí	689.376.256	593.931.647
Chi phí dự phòng	7.989.208.365	5.459.370.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.916.999.066	2.000.411.162
Chi phí khác bằng tiền	2.445.790.213	1.156.409.708
	<u>26.211.831.140</u>	<u>19.218.665.064</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.113.069.787	15.270.798.547
Các khoản điều chỉnh tăng	344.915.848	973.016.013
- Chi phí không hợp lệ	344.915.848	973.016.013
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(308.306.250)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(308.306.250)
Tổng thu nhập tính thuế	17.457.985.635	15.935.508.310
- Thu nhập từ hoạt động không được ưu đãi thuế	-	-
- Thu nhập từ hoạt động được ưu đãi thuế (*)	17.457.985.635	15.935.508.310
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động được ưu đãi (*)	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất của hoạt động còn thu nhập sau khi bù trừ	3.491.597.127	3.187.101.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	-	(1.593.550.831)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.491.597.127</u>	<u>1.593.550.831</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	110.589.229	644.115.335
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.505.169.595	404.297.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.948.424.781)	(1.136.794.176)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	<u>1.158.931.170</u>	<u>1.505.169.595</u>

(*) Năm 2014, Công ty được hưởng ưu đãi với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%. Năm 2013 Công ty được hưởng ưu đãi với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với hoạt động sản xuất của Công ty, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Theo khoản 9, điều 18, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN thì: Trường hợp trong cùng kỳ tính thuế, doanh nghiệp có phát sinh hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế bị lỗ, hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế, thu nhập khác của các hoạt động kinh doanh (không bao gồm thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư; thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định của pháp luật) có thu nhập (hoặc ngược lại) thì doanh nghiệp bù trừ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động có thu nhập do doanh nghiệp lựa chọn. Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất của hoạt động còn thu nhập.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	854.708.590.927	668.122.665.289
Chi phí nhân công	20.925.694.856	19.841.958.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.737.751.202	13.381.100.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.748.190.399	31.276.867.170
Chi phí khác bằng tiền	6.173.839.026	13.315.490.263
	<u>928.294.066.410</u>	<u>745.938.081.945</u>

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	7.159.256.124	-	10.910.497.646	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	400.025.586.117	(13.448.579.011)	298.040.875.579	(5.459.370.646)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	81.600.000	(56.100.000)
Cho vay dài hạn	160.000.000.000	-	160.000.000.000	-
	567.184.842.241	(13.448.579.011)	469.032.973.225	(5.515.470.646)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			491.193.074.532	399.506.623.000
Phải trả người bán, phải trả khác			193.679.878.009	67.626.842.126
Chi phí phải trả			1.033.338.767	907.366.720
			685.906.291.308	468.040.831.846

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

0111
CÔNG
H NHIỆT
G KIẾ
AA
KIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.159.256.124	-	-	7.159.256.124
Phải thu khách hàng, phải thu khác	386.577.007.106	-	-	386.577.007.106
Cho vay dài hạn	-	160.000.000.000	-	160.000.000.000
	393.736.263.230	160.000.000.000	-	553.736.263.230
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.910.497.646	-	-	10.910.497.646
Phải thu khách hàng, phải thu khác	292.581.504.933	-	-	292.581.504.933
Đầu tư ngắn hạn	25.500.000	-	-	25.500.000
Cho vay dài hạn	-	160.000.000.000	-	160.000.000.000
	303.517.502.579	160.000.000.000	-	463.517.502.579

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	491.193.074.532	-	-	491.193.074.532
Phải trả người bán, phải trả khác	173.408.490.309	20.271.387.700	-	193.679.878.009
Chi phí phải trả	1.033.338.767	-	-	1.033.338.767
	<u>665.634.903.608</u>	<u>20.271.387.700</u>	<u>-</u>	<u>685.906.291.308</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	399.506.623.000	-	-	399.506.623.000
Phải trả người bán, phải trả khác	46.577.931.426	21.048.910.700	-	67.626.842.126
Chi phí phải trả	907.366.720	-	-	907.366.720
	<u>446.991.921.146</u>	<u>21.048.910.700</u>	<u>-</u>	<u>468.040.831.846</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất		Hoạt động thương mại		Hoạt động dịch vụ		Tổng cộng các bộ phận		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	882.989.804.226	1.116.234.015.218	21.307.670.549	2.020.531.489.993	2.020.531.489.993	-	2.020.531.489.993	-	2.020.531.489.993	
Chi phí bộ phận trực tiếp	804.734.950.534	1.106.196.209.025	19.639.713.853	1.930.570.873.412	1.930.570.873.412	-	1.930.570.873.412	-	1.930.570.873.412	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.254.853.692	10.037.806.193	1.667.956.696	89.960.616.581	89.960.616.581	-	89.960.616.581	-	89.960.616.581	
Tài sản bộ phận trực tiếp	521.903.922.972	250.910.375.630	60.970.234.562	833.784.533.164	833.784.533.164	-	833.784.533.164	-	833.784.533.164	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	346.932.139.820	346.932.139.820	-	346.932.139.820	-	346.932.139.820	
Tổng tài sản	521.903.922.972	250.910.375.630	60.970.234.562	1.180.716.672.984	1.180.716.672.984	-	1.180.716.672.984	-	1.180.716.672.984	
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	353.263.808.920	322.408.183.447	2.123.701.518	677.795.693.885	677.795.693.885	-	677.795.693.885	-	677.795.693.885	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	22.985.781.530	22.985.781.530	-	22.985.781.530	-	22.985.781.530	
Tổng nợ phải trả	353.263.808.920	322.408.183.447	2.123.701.518	700.781.475.415	700.781.475.415	-	700.781.475.415	-	700.781.475.415	

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	14.272.803.388	21.010.170.260
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	34.160.922.124	5.843.607.383
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Công ty con	396.248.588	873.106.990
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	361.840.656	1.394.004.815
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	-	38.449.785
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	403.020.415	262.667.922
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	3.933.922.424	5.092.479.391
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Công ty con	9.863.850	11.672.000
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	507.453.197	784.406.549
Lãi cho vay vốn			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	20.256.888.890	23.270.222.226

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu tiền hàng			
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	279.684.616	457.319.628
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	3.785.072.333	1.294.646
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	900.481.392	-
Cho vay dài hạn			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	160.000.000.000	160.000.000.000
Phải thu lãi cho vay			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	2.071.333.333	1.887.555.556
Phải trả tiền hàng			
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	764.616.325	-
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	-	99.369.192
Phải trả tiền ứng trước của khách hàng			
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Công ty con	4.450.000.000	2.342.758.206
Phải trả khác			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	18.468.000.000	18.468.000.000

(*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.242.000.000	1.192.500.000

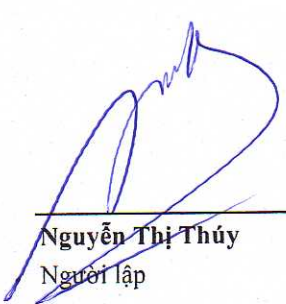
CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

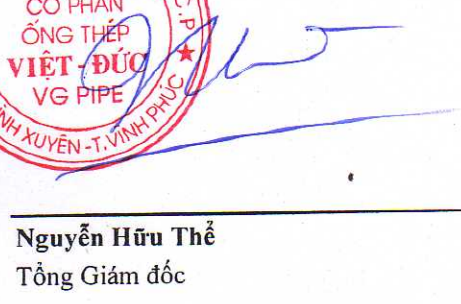
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Thúy
Người lập



Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thể
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 02 tháng 03 năm 2015

